

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2020/HS - ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến.
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 182/2020/HSST ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐXXST-HS ngày 11/11/2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Thân Thị T, sinh năm 1993.
- Tên gọi khác: Không.
- Nơi cư trú: thôn Phúc L, xã Tăng T, huyện Việt Y, tỉnh B.
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12.
- Bố đẻ: Thân Văn L, i, sinh năm 1968.
- Mẹ đẻ: Thân Văn P, sinh năm 1973.
- Chồng: Hoàng Văn T, sinh năm 1990
- Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013.
- Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất.
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo đầu thú, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:** Bà Chu Thị C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Lục, xã Tân M, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đào Văn L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Lực, xã Tân M, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Dương Văn C, sinh năm 1966. (vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1961. (vắng mặt)

3. Anh Dương Văn M, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Lực, xã Tân M, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 09/6/2020, Thân Thị T, sinh năm 1993, trú tại thôn Phúc L, xã Tăng T, huyện Việt Y, tỉnh B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 015.15 đi từ nhà lên thành phố B. Khi đi qua nhà bà Chu Thị C, sinh năm 1962 trú tại thôn Lxã Tân M, thành phố B, Tâm thấy nhà bà C khóa cửa, suy đoán trong nhà không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Tâm đỗ xe, đi bộ đến cột điện ở sát tường bao nhà bà C sau đó trèo lên cột điện rồi trèo qua tường bao xuống sân đi vào nhà thì thấy cửa chính đóng, cửa lách cài then bên trong. Tâm dùng tay phải cậy được then cửa lách đi vào trong nhà. Tâm đi qua phòng khách vào phòng ngủ thì nhìn thấy có một chiếc hòm tôn không khóa sát cạnh giường ngủ. Tâm mở nắp hòm lục tìm phát hiện 01 túi nilon đựng nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. Tâm rút túi nilon đựng tiền vào trong túi áo chống nắng sau đó tiếp tục tìm kiếm thì thấy ở chân giường ngủ có một chiếc túi màu đỏ, bên trong có để nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. Tâm lấy số tiền đó để vào trong túi áo chống nắng. Quan sát xung quanh thấy trong phòng còn kê một chiếc tủ quần áo bằng gỗ đối diện giường ngủ, Tâm đi đến dùng chiếc kéo màu đỏ để trên nóc tủ lần lượt cậy hai cánh cửa tủ và lục tìm thì phát hiện có một tập tiền để trên quần áo, Tâm lấy số tiền trên và rút vào túi áo chống nắng đang mặc. Sau đó Tâm đi lên tầng 2 nhưng không phát hiện tài sản gì nên đã theo hướng cửa cũ ra ngoài. Trên đường ra, Tâm mang theo chiếc kéo có chuỗi màu đỏ vứt ở khu vực chuồng gà. Sau đó, Tâm điều khiển xe mô tô đi thẳng về nhà bỏ tiền trộm cắp được ra kiểm đếm được tổng số 13.500.000 đồng, gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng.

Ngày 09/6/2020, bà C đã trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ một số đồ vật tài sản gồm: 01 mảnh gỗ vỡ; 03 tờ giấy bị nhàu nát; 01 túi xách nữ màu nâu đỏ, quai màu đen; 01 quyển vở học sinh nhãn hiệu H; 01 hộp giấy màu trắng; 01 con dao; 01 kéo chuỗi nhựa màu đỏ. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ hình ảnh từ camera giám sát an ninh của gia đình

ông Dương Văn C sinh năm 1966 trú tại Thôn Lục, xã Tân M, thành phố B- là hàng xóm nhà bà C.

Ngày 17/6/2020, Thân Thị T đến Công an thành phố B đầu thú, giao nộp những đồ vật tài sản sau: Số tiền 13.500.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Airblade, biển kiểm soát 98B2-015.15, màu vàng đồng đã qua sử dụng; 01 chiếc mũ bảo hiểm nữ loại mũ lưới trai, màu hồng; 01 chiếc áo chống nắng, áo liền có mũ dài đến gót chân và hoa văn màu đỏ- xanh.

Ngày 08/9/2020, Cơ quan điều tra thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Thân Thị T thực hiện lại hành vi trộm cắp như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Ngày 02/10/2020, Cơ quan điều tra tiến hành cho Tâm nhận dạng qua ảnh đối với một số vật chứng thu giữ. Kết quả Tâm nhận ra chiếc túi xách màu đỏ đựng tiền mà Tâm lấy và chiếc kéo Tâm dùng để cạy cánh tủ gỗ để lấy tiền.

Quá trình điều tra, Thân Thị T đã bồi thường cho bà C số tiền 2.000.000 đồng khắc phục thiệt hại do tủ gỗ bị hư hỏng. Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 13.500.000 đồng; 01 mảnh gỗ vỡ; 01 con dao làm bằng kim loại; 03 tờ lịch đã cũ cho bà C. Đến nay bà C không có yêu cầu gì về dân sự và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Thân Thị T.

Những vật chứng khác đã được nhập kho vật chứng Công an thành phố B để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Thân Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 185/CT-VKS ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Thân Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

1, Tuyên bố bị cáo Thân Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2, Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thân Thị T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Tăng T, huyện Việt Y, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, Thân Thị T đã bồi thường cho bà C số tiền 2.000.000 đồng khắc phục thiệt hại do tủ gỗ bị hư hỏng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C số tiền 13.500.000 đồng, đến nay bà C không yêu cầu bồi thường gì. Nên không đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

4. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

5. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng, áo liền có mũ dài đến gót chân và hoa văn màu đỏ- xanh và 01 chiếc mũ bảo hiểm nữ loại mũ lưới trai, màu hồng;

Đề nghị trả lại cho bị cáo Thân Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda-Airblade, biển kiểm soát 98B2-015.15, màu vàng đồng đã qua sử dụng và 1.000.000 đồng nhưng tạm giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đảm bảo thi hành án;

Đề nghị trả lại cho bà Chu Thị C 01 túi xách nữ màu nâu đỏ, quai màu đen; 01 kéo chuỗi nhựa màu đỏ.

5, Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo Thân Thị T nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người bị hại và người làm chứng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Khoảng 08 giờ ngày 09/6/2020, tại gia đình ông Đào Văn L, sinh năm 1962 và bà Chu Thị C, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn Lxã Tân M, thành phố B, tỉnh B, Thân Thị T đã có hành vi trộm cắp của ông Liêm, bà C tổng số tiền là 13.500.000 đồng. Hiện nay bà C không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho Tâm.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản trộm cắp có giá trị là 13.500.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại; Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bằng việc ngoài lần vi phạm pháp luật này ra thì bị cáo chưa phạm tội lần nào. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, Thân Thị T đã bồi thường cho bà C số tiền 2.000.000 đồng khắc phục thiệt hại do tử gỗ bị hư hỏng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C số tiền 13.500.000 đồng, đến nay bà C không yêu cầu bồi thường gì. Nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9]. Về vật chứng:

Vật chứng là 01 chiếc áo chống nắng, áo liền có mũ dài đến gót chân và hoa văn màu đỏ- xanh và 01 chiếc mũ bảo hiểm nữ loại mũ lưỡi trai, màu hồng là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo Thân Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Airblade, biển kiểm soát 98B2-015.15, màu vàng đồng đã qua sử dụng và 1.000.000 đồng nhưng tạm giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đảm bảo thi hành án;

Trả lại cho bà Chu Thị C 01 túi xách nữ màu nâu đỏ, quai màu đen; 01 kéo chuỗi nhựa màu đỏ.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thân Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thân Thị T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Tăng T, huyện Việt Y, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng, áo liền có mũ dài đến gót chân và hoa văn màu đỏ- xanh và 01 chiếc mũ bảo hiểm nữ loại mũ lưới trai, màu hồng;

Trả lại cho bị cáo Thân Thị T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Airblade, biển kiểm soát 98B2-015.15, màu vàng đồng đã qua sử dụng và 1.000.000 đồng nhưng tạm giữ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để đảm bảo thi hành án;

Trả lại cho bà Chu Thị C 01 túi xách nữ màu nâu đỏ, quai màu đen; 01 kéo chuỗi nhựa màu đỏ.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo Thân Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

